**Ngày soạn:** 22/11/2024

**Bài 7 : ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử và Địa lí - Lớp 6

Thời gian thực hiện: 02 tiết (tiết 16,17)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức: (Bao gồm cả HSKT)**

- Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn và sông Hằng.

- Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ thời cổ đại.

- Nhận biết được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ thời cổ đại.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung:

+ Tự học tự chủ thông qua việc học sinh sưu tầm tư liệu, hình ảnh về Ấn Độ cổ đại.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giải quyết nhiệm vụ học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác thông qua các hoạt động nhóm.

- Năng lực đặc thù môn học:

+ Tìm hiểu lịch sử qua việc khai thác tư liệu, hình ảnh, lược đồ liên quan đến bài học.

+ Nhận thức lịch sử qua việc sử dụng tư liệu, hình ảnh để giải thích sự hình thành, phát triển và những thành tựu văn hóa của Ấn Độ cổ đại.

**3. Về phẩm chất:**

- Giáo dục phẩm chất chăm chỉ trong học tập, lao động, từ đó trân trọng giá trị của người lao động.

- Có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy thành tự văn hóa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

+ Máy chiếu

+ Máy vi tính.

**2. Đối với học sinh**:

+ Ôn tập kiến thức đã học. Đọc và trả lời các câu hỏi trong sgk.

+ Sưu tầm tư liệu liên quan.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (4 phút)**

**a. Mục tiêu**: Giúp học sinh hứng thú với nội dung bài học tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

- HSKT: Hứng thú với bài học mới

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức hoạt động**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 7. 1 và trả lời câu hỏi:Cum Mê-lơ là lễ hội truyền thống của những người theo Ấn Độ giáo. Ngày nay, lễ hội này được tổ chức ba năm một lần, kéo dài gần hai tháng (từ tháng 1 đến tháng 3). Trong thời gian diễn ra lễ hội, hàng triệu người đã hành hương về đây để tắm và thực hiện các nghi lễ tôn giáo trên dòng sông Hằng. Vì sao ở Ấn Độ - một cường quốc kinh tế hiện nay mà vẫn còn duy trì những phong tục cổ xưa như thế? Các con sông lớn đã có vai trò ra sao trong việc hình thành, phát triển nền văn minh Ấn Độ cổ đại?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

 HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Lễ hội tắm nước sông Hằng có nguồn gốc từ xa xưa, cho đến ngày nay vẫn được duy trì và là một trong những lễ hội tôn giáo lớn nhất thế giới. Lưu vực sông Ấn và sông Hằng là nơi xuất hiện một trong những trung tâm văn minh lớn của phương Đông cổ đại. Đây cũng là nơi chứng kiến sự ra đời của hai tôn giáo lớn trên thế giới là Hin-đu giáo và Phật giáo. Những thành tựu của cư dân vùng này đã góp phần đặt nền tảng văn hoá cho những quốc gia hiện đại như Băng-la-đét, Bu-tan, Ấn Độ, Nê-pan, Pa-ki-xtan và Xri Lan-ca. Để tìm hiểu rõ hơn về những vấn đề này, chúng ta cùng vào bài học ngay hôm nay - Bài 7: *Ấn Độ cổ đại.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (80 phút)**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS giới thiệu được điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng.

HSKT: Nắm được điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng.

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Các thành tựu về Tư tưởng, tôn giáo, sử học kiến trúc điêu khắc

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **GHI BẢNG** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - GV treo bản đồ thế giới và bản đồ Ấn Độ (theo sách giáo khoa), yêu cầu HS xác định vị trí của Ấn Độ trên bản đồ và trả lời câu hỏi:  ? Xác định vị trí địa lí của Ấn Độ cổ đại.  ? Nêu những nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn và sông Hằng.  ? Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống với các quốc gia cổ đại trước đó mà em đã học?  ? Điều kiện tự nhiên có tác động như thế nào đến sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ cổ đại?   * **HSKT:**   ? Xác định vị trí địa lí của Ấn Độ cổ đại.  ? Nêu những nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn và sông Hằng.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV mời HS trả lời câu hỏi.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.  GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **I. Điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng**  - Ấn Độ cổ đại nằm ở khu vực Nam Á với 3 mặt giáp biển. Phía Bắc là những dãy núi cao như bức tường thành. Phía Đông Nam và Tây Nam giáp Ấn Độ Dương.  - Nét chính về điều kiện tự nhiên:  + Có sự hiện diện của các dòng sông lớn: sông Ấn, sông Hằng.  + Phía Tây và phía Đông là những đồng bằng châu thổ mà mỡ, trù phú được tạo nên bởi sự bồi đắp của sông Ấn và sông Hằng.  + Khí hậu thuận lợi (nền nhiệt và độ ẩm cao, mưa nhiều).  - Đặc điểm tự nhiên của Ấn Độ giống với Ai Cập và Lưỡng Hà (đều có các dòng sông lớn)  **\* Tác động của điều kiện tự nhiên:**  - Địa hình phía Bắc; Đông Nam, Tây Nam được bao bọc bởi đại dương và núi cao hiểm trở => hạn chế được sự nhòm ngó của  ngoại bang; góp phần bảo lưu bản sắc văn hóa.  - Các dòng sông lớn có vai trò lớn trong đời sống của cư dân Ấn Độ:  + Cung cấp nguồn nước dồi dào; nguồn thủy sản phong phú.  + Là những tuyến giao thông huyết mạch, liên kết giữa các vùng.  + Sông Ấn và sông Hằng có vị trí rất linh thiêng trong tâm thức của người Ấn Độ.  - Sông lớn và các đồng bằng phù sa màu mỡ đã: thúc đẩy sự ra đời sớm của các nhà nước cổ đại ở Ấn Độ đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **Nhiệm vụ 1:**GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời các câu hỏi:  ? Người Ấn Độ bản địa đầu tiên là người nào? Họ đã làm gì ở hai bên bờ sông Ấn?  ? Vào năm 1.500 TCN, tộc người nào xâm nhập vào Bắc Ấn? Sau khi xâm nhập vào, họ làm gì với người bản địa Dravida?  **HSKT**: ? Người Ấn Độ bản địa đầu tiên là người nào? Họ đã làm gì ở hai bên bờ sông Ấn?  **Nhiệm vụ 2:**GV chia lớp thành các nhóm thảo luận về chế độ đẳng cấp với các câu hỏi:  ?     Chế độ đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại được phân chia dựa trên những cơ sở nào?   Qua sơ đồ 7.3, em hãy cho biết chế độ đẳng cấp chia xã hội Ấn Độ cổ đại thành mấy đẳng cấp? Hãy liệt kê? Đẳng cấp nào có vị thế cao nhất và đẳng cấp nào có vị thế thấp nhất?  Giáo án Lịch Sử 6 Bài 7: Ấn Độ cổ đại | Cánh diều  ? Mối quan hệ giữa các đẳng cấp này như thế nào?  ? Em có nhận xét gì về chế độ đẳng cấp Vác-na?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV mời HS trả lời câu hỏi.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.  GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **II. Xã hội Ấn Độ cổ đại**  - Người Ấn Độ bản địa đầu tiên là Dravida, họ đã xây dựng các thành thị dọc sông Ấn.  - Vào năm 1.500 TCN, tộc người Arya đã xâm nhập vào Bắc Ấn. Sau khi xâm nhập vào, họ đã thống trị người bản địa Dravida bằng chế độ đẳng cấp khắc nghiệt.  - Chế độ đẳng cấp Vác-na dựa trên sự phân biệt về chủng tộc và màu da  - Chế độ đẳng cấp Vác-na chia xã hội Ấn Độ cổ đại thành 4 đẳng cấp:  + Đẳng cấp Brama là cao nhất.  + Đẳng cấp Ksatri có vị trí cao thứ hai trong xã hội.  + Đẳng cấp Vaisia là đẳng cấp cao thứ ba trong xã hội.  + Đẳng cấp Suđra là những người thấp kém nhất trong xã hội.  - Quan hệ giữa các đẳng cấp trong đời sống thường nhật được luật pháp quy định rất chặt chẽ:  + Những người khác đẳng cấp không được kết hôn với nhau.  + Những người thuộc đẳng cấp dưới buộc phải tôn kính và phục tùng những người thuộc đẳng cấp trên.  - Nhận xét: khắc nghiệt; tàn dư của chế độ đẳng cấp vẫn còn tồn tại trong xã hội Ấn Độ hiện tại. |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **Nhiệm vụ 1:**GV chia nhóm yêu cầu HS theo dõi SGK và hoàn thiện sơ đồ tư duy về các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ.   |  |  | | --- | --- | | **Nhiệm vụ 2:**GV chia thành nhóm nhỏ (nhóm 2 người) thảo luận một số câu hỏi trong sách giáo khoa: |  | | *? Hãy kể tên một số thành tựu về văn hóa của Ấn Độ cổ đại có ảnh hưởng đến Việt Nam.* |  |   ? Em hãy cho một ví dụ về một phép toán có sử dụng thành tựu số 0 của Ấn Độ cổ đại.   * **HSKT:** *Hãy kể tên một số thành tựu về văn hóa của Ấn Độ cổ đại có ảnh hưởng đến Việt Nam.*   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV mời HS trả lời câu hỏi.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.  GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **III. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu**  **- Tôn giáo, tín ngưỡng:**  + Ấn Độ là nơi khởi phát của: Phật Giáo, Ấn Độ giáo; Jaina giáo…  + Hai tôn giáo có ảnh hưởng lớn nhất ở Ấn Độ là: Phật giáo và Ấn Độ giáo.  - **Chữ viết:** chữ Phạn (San-krít).  - **Văn học:** 2 bộ sử thi nổi tiếng là: Mahabharata và Rammayana.  **- Lịch pháp học:** chia 1 năm làm 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày, sau 5 năm có thêm 1 tháng nhuận.  **- Khoa học tự nhiên**  + Toán học: sáng tạo ra hệ thống chữ số từ 0 – 9  + Y học: biết sử dụng thuốc tê, thuốc mê khi phẫu thuật…  **- Lĩnh vực kiến trúc:** chùa hang A-gian-ta; cột đá A-sô-ca…  - Một số thành tựu văn hóa của Ấn Độ có ảnh hưởng đến Việt Nam:  + Phật giáo, Ấn Độ giáo  + Chữ Phạn  + Các phong cách kiến trúc, điêu khắc (theo phong cách tạo hình của Phật giáo, Ấn Độ giáo…)  - Ví dụ về phép toán có sử dụng thành tựu số 0 của Ấn Độ:  1 + 0 = 1  1 – 0 = 1  1 x 0 = 0 |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (2 phút)**

**a. Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

- HSKT: Trả lời được những câu hỏi đơn giản

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**Câu 1:** Nền văn minh Ấn Độ cổ đại hình thành gắn liền với hai con sông:

* A. Hoàng Hà và Trường Giang.
* B. Sông Ti-grơ và sông Ơ-phrát.
* C. Sông Ấn và sông Hằng.
* D. Sông Nin và sông Ti-grơ.

**Câu 2:** Người Đra-vi-đa thành đẳng cấp thứ tư (Su-đra) trong chế độ đẳng cấp Vác-na dựa trên sự phân biệt về:

* A. Tôn giáo.
* B. Nghề nghiệp.
* C. Chủng tộc, màu da.
* D. Văn hóa, phong tục.

**Câu 3:** Đẳng cấp Ksa-tri-a trong xã hội Ấn Độ cổ đại là:

* A. Tăng lữ.
* B. Quý tộc, chiến binh.
* C. Nông dân, thương nhân, thợ thủ công.
* D. Những người thấp kém trong xã hội.

**Câu 4:** Ấn Độ là quê hương của các tôn giáo lớn:

* A. Hồi giáo và Hin-đu giáo.
* B. Hồi giáo và Thiên chúa giáo.
* C. Hin-đu giáo và Phật giáo.
* D. Phật giáo và Hồi giáo.

**Câu 5:** Chữ viết ra đời sớm và phổ biến nhất ở Ấn Độ làL

* A. Chữ hình nêm.
* D. Chữ Chăm cổ.
* C. Chữ Hán.
* D. Chữ Phạn.

**Câu 6:** Ngày nay các chữ số từ 0 đến 9 do người Ấn Độ phát minh còn được gọi là:

* A. Số Ấn Độ.
* B. Số La Mã.
* C. Số Ả-rập.
* D. Số Ai Cập.

**Câu 7:** Theo chế độ đẳng cấp Vác-na, xã hội Ấn Độ cổ đại có:

* A. 1 đẳng cấp.
* B. 2 đẳng cấp.
* C. 3 đẳng cấp.
* D. 4 đẳng cấp.

**Câu 8:** Theo chế độ đẳng cấp Vác-na, những người có địa vị thấp kém là:

* A. Bra-man.
* B. Ksa-tri-a.
* C. Vai-si-a.
* D. Su-đra.

**Câu 9:** Nhận định nào dưới đây không đúng về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại:

* A. Phía bắc là những dãy núi cao.
* B. Phái tây là những vùng đồng bằng trù phú được tên bởi sự bồi đắp phù sa của sông Ấn và sông Hằng.
* C. Ở lưu vực sông Ấn, có sự tác động của gió mùa, cây cối tươi tốt.
* D. Ấn Độ có đồng bằng sông Ấn, sông Hằng lớn vào loại bậc nhất thế giới.

**Câu 10:** Nhận đinh nào dưới đây không đúng khi nói về thành tựu lịch pháp của người Ấn Độ cổ đại:

* A. Biết làm ra lịch.
* B. Chia một năm làm 12 tháng.
* C. Chia mỗi tháng có 29 ngày.
* D. Cứ sau 5 năm thêm một tháng nhuận.

**Câu 11:** Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ thuận lợi để phát triển:

* A. Thủ công nghiệp.
* B. Thương nghiệp.
* C. Trao đổi, buôn bán trên biển.
* D. Nông nghiệp.

**Câu 12:** Sau khi vào Ấn Độ, người A-ri-a đã thiết lập:

* A. quân chủ chuyên chế.
* B. cộng hòa quý tộc.
* C. Đẳng cấp Vác-na.
* D. Phân biệt tôn giáo.

**Câu 13:** Lãnh thổ Ấn Độ cổ đại chủ yếu bao gồm những quốc quốc gia nào ngày nay:

* A. Ấn Độ, Ả Rập.
* B. Ấn Độ, Băng-la-đét.
* C. Pa-ki-xtan, Nê-pan.
* D. Ấn Độ, Pa-ki-xtan, Nê-pan, Băng-la-đét.

**Câu 14:** Xã hội Ấn Độ cổ đại không bao gồm tầng lớp:

* A. Nông dân công xã.
* B. Quý tộc.
* C. Nô lệ.
* D. Bình dân thành thị.

**Câu 15:** Bra-man (tăng lữ) có vị thế cao nhất vì trong xã hội cổ đại vì:

* A. Là những người đại diện cho thần linh, truyền lời của thần linh đến với loài người, nên được tôn trọng và có quyền lực.
* B. Là người A-ri-a từ vùng Trung Á tràn vào.
* C. Là người tạo ra chế độ đẳng cấp Vác-na.
* D. Là người tạo ra những luật lệ hà khắc ở Ấn Độ.

**Câu 16:** Tôn giáo do Thích Ca Mâu Ni sáng lập:

* A. Hin-đu giáo.
* B. Phật giáo.
* C. Hồi giáo.
* D. Thiên chúa giáo.

**Câu 17:** Theo lịch của người Ấn cổ đại, sau bao nhiêu năm sẽ có một tháng nhuận?

* A. 2 năm.
* B. 3 năm.
* C. 4 năm.
* D. 5 năm.

**Câu 18:** Chữ Phạn ở Ấn Độ cổ đại còn được gọi là:

* A. Chữ viết trên giấy Pa-pi-rút.
* B. Chữ viết trên đất sét.
* C. San- krít.
* D. Chữ hình nêm.

**Câu 19:** Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về sự phân chia xã hội Ấn Độ theo đẳng cấp:

* A. Luật lệ ở Ấn Độ rất hà khắc.
* B. Tạo ra vết rạn nứt sâu sắc trong xã hội Ấn Độ cổ đại.
* C. Tạo thành những tập đoàn khép kín, biệt lập, làm xã hội Ấn Độ cổ đại thêm chia cắt, phức tạp. Tuy nhiên nó không còn tồn tại đến ngày nay.
* D. Những người thuộc đẳng cấp dưới buộc phải tôn kính những người thuộc đẳng cấp trên.

**Câu 20:** Tên gọi Ấn Độ bắt nguồn từ

* A. Tên một ngọn núi.
* B. Tên một con sông.
* C. Tên một tộc người.
* D. Tên một sử thi.

**Câu 21:** Tôn giáo cổ xưa nhất của người Ấn Độ là:

* A. Phật giáo.
* B. Hồi giáo.
* C. Bà La Môn giáo.
* D. Thiên Chúa giáo.

**Câu 22:** Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về hai tác phẩm văn học nổi bật nhất thời cổ đại ở Ấn Độ:

* A. Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na có ảnh hưởng to lớn tới sự phát triển của văn học Ấn Độ và Đông Nam Á ở các giai đoạn sau này.
* B. Ma-ha-bha-ra-ta được coi là một bộ “bách khoa toàn thư” về đời sống xã hội Ấn Độ thời cổ đại.
* C. Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na thuộc thể loại sử thi.
* D. Ra-ma-y-a-na kể về tình yêu vĩ đại, đức hi sinh của người mẹ dành cho con.

**Câu 23:** Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ có điểm gì khác nhau so với Ai Cập và Lưỡng Hà?

* A. Lãnh thổ Ấn Độ thời cổ đại là một vùng rộng lớn.
* B. Ấn Độ có địa hình và khí hậu giống nhau ở mỗi miền.
* C. Ấn Độ có ba mặt giáp biển, nằm trên trục đường biển từ Tây sang Đông.
* D. Có những dòng sông lớn bồi đắp phù sa màu mỡ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV kết luận, nhận xét quá trình hoạt động của HS.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (2 phút)**

1. **Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng
2. **Nội dung:** HS trả lời câu hỏi của GV
3. **Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Hãy kể tên một số thành tựu về tôn giáo, kiến trúc của Ấn Độ cổ đại có ảnh hưởng đến Việt Nam.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

- HS: Suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS: trình bày kết quả

- GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV: Chuẩn kiến thức:

Một số thành tựu về tôn giáo và kiến trúc của Ấn Độ cổ đại có ảnh hưởng đến Việt Nam:

**\* Tôn giáo ( Phật giáo)**

- Thông qua hoạt động truyền giáo và thương mại của các nhà sư và thương nhân Ấn Độ, Phật giáo đã được du nhập vào Việt Nam từ những thế kỉ đầu công nguyên.

- Có thể nói, ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống văn hóa – xã hội Việt Nam là khá toàn diện và sâu sắc:

+ Đạo phật với các thuyết luân hồi, nghiệp báo, nhân quả... có tác dụng duy trì trật tự xã hội, giáo dục đạo đức, điều chỉnh những hành vi ứng xử của con người trong các mối quan hệ xã hội (ví dụ: Dù xây chín bậc phù đồ / Không bằng làm phúc cứu cho một người; Ở hiền thì lại gặp lành / Những người nhân đức trời dành phúc cho….)

+ Phật giáo có tác động lớn, góp phúc đẩy sự phát triển của văn hóa Việt Nam trên nhiều lĩnh vực: kiến trúc, điêu khắc, văn học, giáo dục... (Ví dụ: chùa Một cột; chùa Dâu; tượng phật Quan âm ngìn mắt, nghìn tay; giáo lý Phật giáo thấm nhuần trong văn học dân gian của Việt Nam…).

- Phật giáo khi xâm nhập vào Việt Nam không tồn tại một cách thuần khiết, mà có sự hòa hợp, dung nạp với các yếu tố văn hóa của tín ngưỡng bản địa. Ví dụ: trong các ngôi chùa ở miền Bắc Việt Nam không chỉ thờ phụng các vị Phật, Bồ tát cũng như các vị hộ trì Phấp pháp, mà còn thờ nhiều vị thần/ thánh của các tôn giáo/ tín ngưỡng khác, như: thờ Mẫu; thờ Đức Thánh Trần…

**\* Kiến trúc:**

- Nghệ thuật kiến trúc của Ấn Độ cùng với hai tôn giáo chính là Phật giáo và Ấn Độ giáo đã được truyền bá vào Việt Nam ngay từ những thế kỉ đầu công nguyên và liên tục phát huy ảnh hưởng trong thời gian dài.

- Tiếp thu nghệ thuật tạo hình của Ấn Độ, người Việt đã tạo nên nhiều công trình kiến trúc tôn giáo đặc sắc, thuộc nhiều kiểu kiến trúc khác nhau. Trong đó, có 2 kiểu kiến trúc nổi bật nhất là:

+ Kiến trúc đền – núi (ảnh hưởng của nghệ thuật kiến trúc Ấn Độ giáo). Quần thể kiến trúc đền – núi tiêu biểu ở Việt Nam là: Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam).

+ Kiến trúc chùa tháp (ảnh hưởng của nghệ thuật kiến trúc Phật giáo). Quần thể kiến trúc chùa – tháp tiêu biểu ở Việt Nam là: chùa Thiên Mụ (Huế), tháp Báo Thiên (Hà Nội),…

- HS: Lắng nghe và ghi nhớ.

\* **HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC (2 phút)**

*- Hướng dẫn học sinh ôn bài vừa học:*

+ Học bài cũ

+ Trả lời câu hỏi SGK

+ Làm vài tập VBT

*-* *Hướng dẫn học sinh chuẩn bị cho tiết học tiếp theo:* Trung Quốc từ thời cổ đại đến TK VII

+ Tìm hiểu nội dung kênh hình SGK

+ Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu liên quan đến nội dung bài học.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*